BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số: 122/QĐ-ĐHVHHCM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành Đề án tuyển sinh trình độ đại học của Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA TP.HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 3654/QĐ-BVHTTDL ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1595/QĐ-BVHTTDL ngày 19 tháng 05 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về Quy định phân cấp quản lý công tác tổ chức cán bộ của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non;

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-ĐHVHHCM-HĐT Kỳ họp đột xuất của Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025, ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo, Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án tuyển sinh trình độ đại học của Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đề án tuyển sinh trình độ đại học áp dụng trong năm 2023.

Điều 3. Trưởng các phòng; Trưởng các Khoa; Các đơn vị và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT-QLKH-HTQT (05).

HIỆU TRƯỞNG

BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thế Dũng

Tuyensinh247.com

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số 122 /QĐ-ĐHVHHCM, ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa TP.Hồ Chí Minh)

I. Thông tin chung

1. Tên trường: TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2. Mã trường: VHS

3. Địa chỉ các trụ sở:

STT	Loại trường	Tên trường	Địa điểm	Diện tích đất (m^2)	Diện tích xây dựng (m^2)
1	Cơ sở 1	Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh	Số 51, đường Quốc Hương, phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	7.476	5.038
2	Cơ sở 2	Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh	Số 288, đường Đỗ Xuân Hợp, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	27.226	3.200

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: https://www.hcmuc.edu.vn/

5. Địa chỉ trang mạng xã hội (có thông tin tuyển sinh): https://www.facebook.com/daihocvanhoahcm

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 028.38992901

7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử: https://www.hcmuc.edu.vn/

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp đại học chính quy ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm như sau:

Tuyensinh247.com

STT	Lĩnh vực/ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
1	Nhân văn					
1.1	Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam	7220112	40	7	11	100%
1.2	Văn hóa học	7229040	270	205	95	92.63%
1.3	Quản lý văn hóa	7229042	240	205	108	89.8%
2	Báo chí và thông tin					
2.1	Thông tin - Thư viện	7320201	80	48	20	70.0%
2.2	Bảo tàng học	7320305	60	14	6	76.7%
2.3	Kinh doanh xuất bản phẩm	7320402	50	64	28	100%
3	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân					
3.1	Du lịch	7810101	70	44	38	84.3%
3.2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	190	141	198	88.3%
Tổng số			**950**	**728**	**504**	

8. Thông tin về tuyển sinh đại học chính quy năm 2021 và năm 2022

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh đại học chính quy năm 2021 và năm 2022 trên trang thông tin điện tử: https://www.hcmuc.edu.vn/

8.1. Phương thức tuyển sinh đại học chính quy năm 2021 và năm 2022

STT	Năm tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh		
		Xét tuyển	Kết hợp thi tuyển và xét tuyển	Ghi chú
1	Năm 2021	x	x	- Xét tuyển từ kết quả kỳ thi tốt nghiệp cấp trung học phổ thông (THPT) các môn: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Toán, Tiếng Anh. - Xét tuyển từ kết quả học tập bậc THPT, các môn: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Toán, TiếngAnh.

Tuyensinh247.com

				- Kết hợp xét tuyểncác môn: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Toán, Tiếng Anh (từ kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT hoặc kết quả học tập cấp THPT) và thi tuyển Năng khiếu nghệ thuật tại Trường.
2	Năm 2022	x	x	- Xét tuyển từ kết quả kỳ thi tốt nghiệp cấp THPT các môn: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Toán, Tiếng Anh. - Xét tuyển từ kếtquả học tập cấp THPT, các môn: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Toán, TiếngAnh. - Kết hợp xét tuyển các môn: Ngữ văn,Lịch sử, Địa lý, Toán, Tiếng Anh (từkết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT hoặc kết quả học tập cấp THPT) và thi tuyển Năng khiếu nghệ thuật tại Trường.

8.2. Điểm trúng tuyển năm 2021 và năm 2022

STT	Ngành, chuyên ngành/ tổ hợp xét tuyển	Phương thức tuyển sinh	Năm 2021			Năm 2022		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	Ngành Thông tin - Thư viện	Xét tuyển	30	36	15	80	48	15
	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý							
	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh							
	D09: Toán, Lịch sử, Tiếng Anh							
	D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh							
2	Ngành Bảo tàng học	Xét tuyển	30	14	15	60	14	15
	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý							
	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh							
	D09: Toán, Lịch sử, Tiếng Anh							
	D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh							
3	Ngành Du lịch	Xét tuyển	80	83	24.25	70	44	25.5
	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý							
	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh							
	D10: Toán, Địa lý, Tiếng Anh							
	D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh							
4	Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành							

Tuyensinh247.com

4.1	Chuyên ngành Quản trị lữ hành	Xét tuyển	150	194	25	110	106	26
	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý							
	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh							
	D10: Toán, Địa lý, Tiếng Anh							
	D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh							
4.2	Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch	Xét tuyển	100	127	24	80	35	25.5
	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý							
	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh							
	D10: Toán, Địa lý, Tiếng Anh							
	D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh							
5	Ngành Kinh doanh xuất bản phẩm	Xét tuyển	30	40	15	50	64	15
	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý							
	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh							
	D10: Toán, Địa lý, Tiếng Anh							
	D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh							
6	Ngành Quản lý văn hóa							
6.1	Chuyên ngành Quản lý hoạt động văn hóa xã hội	Xét tuyển	80	41	21	60	75	19.5
	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý							
	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh							
	D09: Toán, Lịch sử, Tiếng Anh							
	D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh							
6.2	Chuyên ngành Quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch	Xét tuyển	30	50	16	60	53	21
	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý							
	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh							
	D09: Toán, Lịch sử, Tiếng Anh							
	D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh							
6.3	Chuyên ngành Tổ chức, dàn dựng chương trình văn hóa, nghệ thuật	Kết hợp xét tuyển và thi tuyển	80	70	18	50	32	17
	R01: Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu nghệ thuật 1							
	R02: Ngữ văn, Toán, Năng khiếu nghệ thuật 1							
	R03: Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng							

Tuyensinh247.com

	khiếu nghệ thuật 1							
	R04: Ngữ văn, Năng khiếu nghệ thuật 1, Năng khiếu nghệ thuật 2							
6.4	Chuyên ngành Tổ chức sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch	Xét tuyển	80	87	22.5	70	45	25
	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý							
	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh							
	D09: Toán, Lịch sử, Tiếng Anh							
	D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh							
7	Ngành Văn hóa học							
7.1	Chuyên ngànhVăn hóa Việt Nam	Xét tuyển	50	55	16	50	37	21.5
	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý							
	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh							
	D09: Toán, Lịch sử, Tiếng Anh							
	D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh							
7.2	Chuyên ngành Công nghiệp văn hóa	Xét tuyển	40	77	16	50	71	22.5
	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý							
	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh							
	D09: Toán, Lịch sử, Tiếng Anh							
	D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh							
7.3	Chuyên ngànhTruyền thông văn hóa	Xét tuyển	180	288	23	120	97	25.5
	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý							
	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh							
	D09: Toán, Lịch sử, Tiếng Anh							
	D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh							
8	Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam	Xét tuyển	30	11	15	40	7	15
	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý							
	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh							
	D09: Toán, Lịch sử, Tiếng Anh							
	D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh							

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử https://www.hcmuc.edu.vn/

Tuyensinh247.com

STT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	Thông tin – Thư viện	7320201	725/QĐ-BGDĐT	16/02/2006			Bộ Giáo dục và Đào tạo	2006	2022
2	Bảo tàng học	7320305	725/QĐ-BGDĐT	16/02/2006			Bộ Giáo dục và Đào tạo	2006	2022
3	Du lịch	7810101	725/QĐ-BGDĐT	16/02/2006	5300/QĐ-BGDĐT	10/12/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2006	2022
4	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	3307/QĐ-BGDĐT	11/09/2017			Bộ Giáo dục và Đào tạo	2017	2022
5	Kinh doanh xuất bản phẩm	7320402	146/QĐ-BGDĐT	08/01/2007			Bộ Giáo dục và Đào tạo	2007	2022
6	Quản lý văn hoá	7229042	725/QĐ-BGDĐT	16/02/2006			Bộ Giáo dục và Đào tạo	2006	2022
7	Văn hóa học	7229040	674/QĐ-BGDĐT	05/02/2007			Bộ Giáo dục và Đào tạo	2007	2022
8	Văn hóa các dân tộc	7220112	146/QĐ-BGDĐT	08/01/2007			Bộ Giáo dục	2007	2022

TuyensInh247.com

STT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
	thiểu số Việt Nam						và Đào tạo		

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử https://www.hcmuc.edu.vn/

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử https://www.hcmuc.edu.vn/

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử https://www.hcmuc.edu.vn/

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh trên trang thông tin điện tử https://www.hcmuc.edu.vn/

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi trên trang thông tin điện tử https://www.hcmuc.edu.vn/

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

1. Tuyển sinh chính quy đại học

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

- Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

+ Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương được dự tuyển vào tất cả các ngành, chuyên ngành đào tạo;

+ Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành

Tuyensinh247.com

dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

- Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (ngưỡng đầu vào) theo quy định tại tiểu mục 1.5, mục 1, phần II của Đề án này;

+ Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

+ Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

- Thí sinh đăng ký xét tuyển chuyên ngành Tổ chức, dàn dựng chương trình văn hóa nghệ thuật thuộc ngành Quản lý văn hóa, có tổ hợp thi và xét tuyển R01, R02, R03, R04 phải tham dự kỳ thi năng khiếu nghệ thuật do Trường tổ chức.

- Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập, Trường tạo những điều kiện thuận lợi để thí sinh có nguyện vọng và năng lực được đăng ký dự tuyển và theo học ngành, chuyên ngành phù hợp với sức khỏe của thí sinh.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

1.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển; Kết hợp thi tuyển và xét tuyển

- Phương thức tuyển sinh trình độ đại học đối với thí sinh tốt nghiệp cấp trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương

+ Xét tuyển từ điểm thi tốt nghiệp THPT theo các tổ hợp môn thi: C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý), D01 (Ngữ văn, Toán, tiếngAnh), D09 (Toán, Lịch sử, tiếng Anh), D10 (Toán, Địa lý, tiếng Anh), D15 (Ngữ văn, Địa lý, tiếngAnh).

+ Xét tuyển từ kết quả học tập 6 học kỳ (2 học kỳ năm lớp 10, 2 học kỳ năm lớp 11 và 2 học kỳ năm lớp 12) của một số môn văn hóa cấp THPT hoặc tương đương (điểm học bạ THPT của thí sinh) đối với tất cả học sinh tốt nghiệp THPT, thuộc các tổ hợp môn học: C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý), D01 (Ngữ văn, Toán, tiếngAnh), D09 (Toán, Lịch sử, tiếng Anh), D10 (Toán, Địa lý, tiếng Anh), D15 (Ngữ văn, Địa lý, tiếng Anh)

+ Thi tuyển kết hợp với xét tuyển: Áp dụng đối với ngành Quản lý văn hóa, chuyên ngành Tổ chức, dàn dựng chương trình văn hóa nghệ thuật (có mã xét tuyển R01; R02; R03; R04);

Thi tuyển năng khiếu nghệ thuật kết hợp với điểm thi tốt nghiệp THPT hoặc thi tuyển năng khiếu nghệ thuật kết hợp với kết quả học tập 6 học kỳ của một số môn văn hóa cấp THPT theo tổ hợp xét tuyển quy định đối với thí sinh tốt nghiệp

Tuyensinh247.com

cấp THPT hoặc tương đương: R01 (Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu nghệ thuật – thi trực tiếp tại Trường), R02 (Ngữ văn, Toán, Năng khiếu nghệ thuật – thi trực tiếp tại Trường), R03 (Ngữ văn, tiếngAnh Năng khiếu nghệ thuật – thi trực tiếp tại Trường), R04 (Ngữ văn; Năng khiếu nghệ thuật 1, Năng khiếu nghệ thuật 2 - thi trực tiếp tại Trường).

Tuyensinh247.com

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành tuyển sinh	Tên ngành tuyển sinh	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức tuyển sinh	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
1	Đại học	7320201	Thông tin-Thư viện	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	36	C00	Văn	D01	Văn	D09	Toán	D15	Văn
				200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	24	C00	Văn	D01	Văn	D09	Toán	D15	Văn
2	Đại học	7320305	Bảo tàng học	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	24	C00	Văn	D01	Văn	D09	Toán	D15	Văn
				200	Xét kết quả học tập cấp THPT	16	C00	Văn	D01	Văn	D09	Toán	D15	Văn

ubs.thuyensinh.vn

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành tuyển sinh	Tên ngành tuyển sinh	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức tuyển sinh	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
					(học bạ)									
3	Đại học	7810101	Du lịch	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	42	C00	Văn	D01	Văn	D10	Toán	D15	Văn
				200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	28	C00	Văn	D01	Văn	D10	Toán	D15	Văn
4	Đại học	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	114	C00	Văn	D01	Văn	D10	Toán	D15	Văn
				200	Xét kết quả học tập cấp THPT	76	C00	Văn	D01	Văn	D10	Toán	D15	Văn

tuyensinh247.com

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành tuyển sinh	Tên ngành tuyển sinh	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức tuyển sinh	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
					(học bạ)									
5	Đại học	7320402	Kinh doanh xuất bản phẩm	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	30	C00	Văn	D01	Văn	D10	Toán	D15	Văn
				200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	20	C00	Văn	D01	Văn	D10	Toán	D15	Văn
6	Đại học	7229042	Quản lý văn hóa	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	114	C00	Văn	D01	Văn	D09	Toán	D15	Văn
				200	Xét kết quả học tập cấp THPT	76	C00	Văn	D01	Văn	D09	Toán	D15	Văn

tuyensinh247.com

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành tuyển sinh	Tên ngành tuyển sinh	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức tuyển sinh	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
					(học bạ)									
				405	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	30	R01	Văn	R02	Văn	R03	Văn	R04	Văn
				406	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng	20	R01	Văn	R02	Văn	R03	Văn	R04	Văn

Tuyensinh247.com

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành tuyển sinh	Tên ngành tuyển sinh	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức tuyển sinh	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
					khiếu để xét tuyển									
7	Đại học	7229040	Văn hóa học	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	126	C00	Văn	D01	Văn	D09	Toán	D15	Văn
				200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	84	C00	Văn	D01	Văn	D09	Toán	D15	Văn
8	Đại học	7220112	Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	24	C00	Văn	D01	Văn	D09	Toán	D15	Văn
				200	Xét kết quả học	16	C00	Văn	D01	Văn	D09	Toán	D15	Văn

Tuyensinh.com

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành tuyển sinh	Tên ngành tuyển sinh	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức tuyển sinh	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
					tập cấp THPT (học bạ)									

Tuyensinh247.com

1.5. Ngưỡng đầu vào

Ngưỡng đầu vào phải phù hợp với nội dung được quy định tại Điều 9, Chương I, Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

- Đối với các tổ hợp xét tuyển từ kết quả thi tốt nghiệp THPT:

+ Là tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi của từng tổ hợp xét tuyển và cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định và được làm tròn đến hai chữ số thập phân;

+ Ngưỡng điểm nhận hồ sơ xét tuyển: Từ mức điểm sàn trở lên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Trường sẽ thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào trên trang thông tin điện tử https://www.hcmuc.edu.vn/, trước thời gian kết thúc đăng ký dự tuyển ít nhất 10 ngày.

- Đối với các tổ hợp xét tuyển của phương thức xét tuyển từ kết quả học tập 6 học kỳ cấp THPT, để được ĐKXT thì với mỗi môn trong tổ hợp xét tuyển, điểm trung bình của mỗi năm học phải lớn hơn hoặc bằng 5,0 điểm (thang điểm 10).

- Đối với các tổ hợp xét tuyển có môn thi năng khiếu nghệ thuật, ngoài những điều kiện nêu trên, thí sinh phải có điểm các môn thi năng khiếu nghệ thuật lớn hơn hoặc bằng 5,0 điểm (thang điểm 10).

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của Trường:

- Mã trường: VHS
- Đối với những thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2022 trở về trước (thí sinh tự do) nếu không đăng ký được trên cổng thông tin xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì Trường sẽ tổ chức xét tuyển từ kết quả học tập 6 học kỳ cấp THPT bằng phần mềm riêng, nội dung xét tuyển theo đúng quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh đăng nhập vào địa chỉ: https://www.xettuyen.hcmuc.edu.vn
- Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách đăng ký xét tuyển theo từng ngành, chuyên ngành thì Trường xét trúng tuyển theo các điều kiện phụ: trường hợp trong cùng một tổ hợp môn thi đăng ký xét tuyển, nếu có nhiều thí sinh có tổng điểm thi bằng nhau vượt quá số lượng thí sinh trúng tuyển được xác định, Trường sẽ sử dụng chỉ số phụ để xét tuyển (được áp dụng chung cho các ngành, chuyên ngành

Tuyensinh247.com

tuyển sinh) theo thứ tự ưu tiên thí sinh đăng ký nguyện vọng cao hơn vào ngành, chuyên ngành đó; giữa các thí sinh cùng thứ bậc nguyện vọng vào một ngành, chuyên ngành học có tổng điểm bằng nhau sẽ ưu tiên thí sinh có điểm thi môn Ngữ văn cao hơn (đối với tổ hợp xét tuyển có môn Ngữ văn), có điểm thi môn Toán cao hơn (đối với tổ hợp xét tuyển có môn Toán), có điểm thi môn Ngữ văn cao hơn, sau đó đến môn Toán cao hơn (đối với tổ hợp xét tuyển có môn Ngữ văn và môn Toán).

- Điểm xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có): Điểm xét tuyển đợt bổ sung bằng hoặc cao hơn điểm xét tuyển đợt 1.

- Thí sinh lưu ý: Cập nhật thông tin nếu Bộ Giáo dục và Đào tạo và, hoặc Đề án tuyển sinh đại học của Trường có sự điều chỉnh, bổ sung nội dung thông tin về tuyển sinh đại học năm 2023.

1.7. Tổ chức tuyển sinh

1.7.1. Thời gian và hình thức tuyển sinh

- Xét tuyển sớm: Nếu Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép, Trường sẽ tổ chức xét tuyển sớm với các đối tượng xét tuyển thẳng, dự bị đại học, xét học bạ THPT và phương thức kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh chung năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xét tuyển đợt 1 và "lọc ảo" chung trên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Theo kế hoạch tuyển sinh chung năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hình thức tuyển sinh:

+ Xét tuyển từ kết quả thi tốt nghiệp THPT, xét tuyển từ kết quả học bạ THPT, xét tuyển thẳng, dự bị đại học: Trực tuyến (online), theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Thi tuyển các môn năng khiếu nghệ thuật: Trực tiếp. Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký dự thi theo thông báo của Trường.

1.7.2. Thi tuyển các môn thi năng khiếu nghệ thuật

- Kết quả thi năng khiếu nghệ thuật được dùng để xét tuyển cùng với tổ hợp các môn văn hóa theo các phương thức xét tuyển của Trường (Thí sinh đăng ký dự thi năng khiếu nghệ thuật, đồng thời cần phải thực hiện thủ tục đăng ký xét tuyển trong 4 tổ hợp: R01, R02, R03, R04).

- Thí sinh thực hiện những quy định về thi năng khiếu nghệ thuật chuyên ngành Tổ chức, dàn dựng chương trình văn hóa nghệ thuật, ngành Quản lý văn hóa như sau:

Tuyensinh247.com

+ Thời gian nộp hồ sơ đăng ký dự thi: Từ ngày 05/05/2023 đến hết ngày 30/6/2023 (hoặc theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

+ Hồ sơ đăng ký dự thi gồm có:

1 Phiếu đăng ký dự thi - Phiếu số 1 (theo mẫu của Trường);

1 Đơn đăng ký dự thi - Phiếu số 2 (theo mẫu của Trường);

1 bản photo chứng minh nhân dân/căn cước công dân (có chứng thực);

2 ảnh 4 x 6cm (ghi rõ tên, ngày sinh, chuyên ngành đăng ký dự thi sau ảnh);

2 phong bì thư có dán tem và ghi đầy đủ họ và tên, địa chỉ người nhận.

Lệ phí thi năng khiếu nghệ thuật: 200.000 đồng/hồ sơ (quy định tại Thông tư liên tịch số 40/2015/TTLT-BTC-BGDĐT).

+ Thí sinh nộp hồ sơ và lệ phí đăng ký dự thi qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, số 51, đường Quốc Hương, phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: 028.38992901. Khi đóng lệ phí đăng ký dự thi, thí sinh cần ghi rõ: số báo danh, họ và tên thí sinh, số chứng minh nhân dân/căn cước công dân, ghi nội dung "đóng lệ phí thi tuyển chuyên ngành Tổ chức, dàn dựng chương trình văn hóa nghệ thuật".

+ Thời gian thi:

Tập trung thí sinh, phổ biến quy chế thi từ 9 giờ, ngày 13/7/2023

Thời gian thi từ 13 giờ, ngày 13/7/2023 đến ngày 14/7/2023

+ Địa điểm thi: Cơ sở 1, Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, số 51 đường Quốc Hương, phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Môn thi Năng khiếu nghệ thuật 1: Năng khiếu Biểu diễn nghệ thuật

Hình thức thi: Thí sinh lựa chọn và thể hiện năng khiếu nghệ thuật thông qua một trong các hình thức sau: ca, biểu diễn nhạc cụ, múa, nhảy, diễn kịch, thuyết trình.

Nội dung thi: Thí sinh có thể tự sáng tác hoặc sử dụng các tác phẩm nghệ thuật do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam cấp phép ban hành. Tác phẩm dự thi phải có nội dung trong sáng, lành mạnh, phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam.

Thời gian thi: không quá 10 phút/môn thi/thí sinh.

Tiêu chí và thang điểm chấm thi:

STT	Tiêu chí	Thang điểm
1	Nội dung tiết mục	3 điểm

Tuyensinh247.com

STT	Tiêu chí	Thang điểm
2	Hình thức thể hiện	5 điểm
3	Ngoại hình	1 điểm
4	Đảm bảo đúng thời gian quy định	1 điểm
Tổng điểm		**10 điểm**

+ Môn thi Năng khiếu nghệ thuật 2: Năng lực hiểu biết nghệ thuật

Hình thức thi: Bốc thăm và trả lời trực tiếp câu hỏi theo yêu cầu đề thi

Nội dung thi: Khả năng nhận định tình huống trong hoạt động văn hóa nghệ thuật

Thời gian thi: không quá 10 phút/thí sinh.

Tiêu chí và thang điểm chấm thi:

STT	Tiêu chí	Thang điểm
1	Kiến thức lý thuyết	3 điểm
2	Nhận định tình huống thực tiễn	5 điểm
3	Văn hóa ứng xử	1 điểm
4	Đảm bảo đúng thời gian quy định	1 điểm
Tổng điểm		**10 điểm**

Yêu cầu đối với thí sinh: Trang phục khi dự thi phải lịch sự, phù hợp với tiết mục biểu diễn. Nếu có người trợ diễn thi năng khiếu thì thí sinh phải đăng ký với Ban coi thi vào ngày tập trung làm thủ tục dự thi.

1.8. Chính sách ưu tiên xét tuyển (UTXT)

1.8.1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng và ưu tiên theo khu vực trong tuyển sinh được thực hiện theo Điều 7, Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế Tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

- Ưu tiên (UT) theo đối tượng chính sách

Mức điểm UT áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

Mức điểm UT cho những đối tượng chính sách khác được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành, do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định;

Tuyensinh247.com

Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại điểm a khoản này chỉ được tính một mức điểm UT cao nhất.

- Ưu tiên theo khu vực (KV)

Mức điểm UT áp dụng cho KV1 là 0,75 điểm, KV2-NT là 0,5 điểm, KV2 là 0,25 điểm; KV3 không được tính điểm UT;

KV tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp); nếu thời gian học (dài nhất) tại các KV tương đương nhau thì xác định theo KV của trường mà thí sinh theo học sau cùng;

Các trường hợp sau đây được hưởng UTKV theo nơi thường trú:

+ Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng các chế độ UT, ưu đãi của Nhà nước theo quy định;

+ Học sinh có nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn.

+ Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân được cử đi dự tuyển, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại KV nào thì hưởng UT theo KV đó hoặc theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo KV nào có mức UT cao hơn; nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại các KV có mức UT khác nhau thì hưởng UT theo KV có thời gian đóng quân dài hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng UTKV theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ;

Thí sinh được hưởng chính sách UTKV theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

Tuyensinh247.com

Các mức điểm UT được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi (không nhân hệ số).

Điểm UT đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức:

Điểm UT = [(30 - Tổng điểm đạt được)/7,5] x Mức điểm UT

- Xét tuyển thẳng: Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Trường.

+ Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành, chuyên ngành đào tạo.

+ Thí sinh đạt thành tích trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc tốt nghiệp trung cấp) vào các ngành phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đoạt giải. Các trường hợp cụ thể như sau:

(1) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia (thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng); thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận (thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng); thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cử đi (thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng).

Các ngành xét tuyển thẳng:

STT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Mã phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu xét tuyển
1	Thông tin-Thư viện	7320201	301	3% chỉ tiêu

Tuyensinh247.com

STT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Mã phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu xét tuyển
2	Bảo tàng học	7320305		tuyển sinh của từng ngành
3	Du lịch	7810101		
4	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103		
5	Quản lý Văn hóa	7229042		
6	Kinh doanh xuất bản phẩm	7320402		
7	Văn hóa học	7229040		
8	Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam	7220112		

(2) Tuyển thẳng các môn năng khiếu nghệ thuật đối với thí sinh đoạt giải cuộc thi năng khiếu nghệ thuật (ca, biểu diễn nhạc cụ, nhảy, múa, diễn kịch, thuyết trình, nhiếp ảnh, vẽ, sáng tác các tác phẩm: âm nhạc, sân khấu,..) cấp tỉnh và tương đương trở lên; các giải thưởng có thể loại biểu diễn phù hợp với nội dung thi năng khiếu nghệ thuật chuyên ngành Tổ chức, dàn dựng chương trình văn hóa nghệ thuật. Trường hợp này, thí sinh phải nộp hồ sơ xét tuyển thẳng năng khiếu nghệ thuật và hồ sơ ĐKXT từ kết quả học tập các môn văn hóa bậc THPT (hoặc hồ sơ ĐKXT từ kết quả thi tốt nghiệp THPT).

+ Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành, chuyên ngành đào tạo để xem xét, quyết định nhận vào học đối với những trường hợp:

(1) Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có năng lực theo học ngành, chuyên ngành đào tạo nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường;

(2) Thí sinh thuộc tộc người thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;

Tuyensinh247.com

(3) Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

(4) Thí sinh là người nước ngoài có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt đáp ứng quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Hình thức UTXT khác (được UTXT trong năm tốt nghiệp THPT hoặc tốt nghiệp trung cấp) đối với các trường hợp:

(1) Thí sinh dự tuyển vào các ngành theo nguyện vọng (không dùng quyền UT tuyển thẳng);

(2) Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đoạt giải (thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển); thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật cấp huyện, cấp tỉnh, toàn quốc về ca, múa, nhạc, mỹ thuật dự tuyển vào các ngành nghệ thuật phù hợp (thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển); thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế dự tuyển vào các ngành phù hợp với nghề đã đoạt giải (thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển).

1.9. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

- Lệ phí xét tuyển: 20.000 đồng/nguyện vọng xét tuyển
- Lệ phí thi tuyển năng khiếu nghệ thuật: 200.000 đồng/hồ sơ đăng ký dự thi

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí từng năm học

Năm học	Mức học phí (dự kiến)	Ghi chú
2023-2024	15.000.000 đồng/10 tháng/Sinh viên	- Trường thu học phí theo tín chỉ; - Thực hiện thu học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ
2024-2025	16.900.000 đồng/10 tháng/Sinh viên	
2025-2026	19.100.000 đồng/10 tháng/Sinh viên	

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm 2023

STT	Các đợt tuyển sinh (dự kiến)	Nội dung

Tuyensinh247.com

STT	Các đợt tuyển sinh (dự kiến)	Nội dung
1	Đợt 1: Từ tháng 7 năm 2023 đến tháng 8 năm 2023	Tổ chức thi tuyển, xét tuyển; thông báo thí sinh trúng tuyển và triệu tập nhập học; thí sinh xác nhận nhập học
2	Đợt 2: Từ tháng 9 năm 2023 đến tháng 10 năm 2023	Trường sẽ công bố thông tin cụ thể nếu còn chỉ tiêu tuyển sinh

1.12. Cam kết đối với thí sinh

- Giải quyết thỏa đáng và kịp thời mọi khiếu nại, vướng mắc của thí sinh; bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

- Thực hiện đúng giá trị cốt lõi của Trường: Tôn trọng - Trách nhiệm - Thân thiện.

1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

1.13.1. Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo

Nhà Xuất bản Trẻ, Sai Gon Tourist, Cho Lon Tourist, Viettravel, Đất nước Việt, Vinpearl Group, Trung tâm Bảo tồn Di tích Quốc gia Côn Đảo, Bảo tàng Chứng tích chiến tranh, Bảo tàng Áo dài, Công ty Cổ phần Truyền thông Sự kiện Việt, Công ty Cổ phần Truyền thông Minh SG, Công ty Sự kiện Truyền thông Dáng Việt, Công ty TNHH Tổ chức biểu diễn Phiêu Linh, Công ty Cổ phần Công nghệ Quốc tế DHT Việt Nam,...

1.13.2. Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học.

1.14. Tài chính:

1.14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của Trường: 63.184.532.201 đồng

1.14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 18.000.000 đồng

1.15. Các nội dung khác

Trường công bố điểm và danh sách trúng tuyển trên trang thông tin điện tử https://www.hcmuc.edu.vn/, chuyên mục "Tuyển sinh"

2. Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên: Không có

III. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học trên trang thông tin điện tử https://www.hcmuc.edu.vn/

Tuyensinh247.com

1. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học đối tượng tốt nghiệp THPT: Không có

2. Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

2.1.1. Tuyển sinh đào tạo cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai

Người có bằng tốt nghiệp trình độ đại học; bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục hoạt động hợp pháp ở nước ngoài hoặc cơ sở giáo dục nước ngoài hoạt động hợp pháp ở Việt Nam cấp; văn bằng được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

2.1.2. Tuyển sinh đào tạo liên thông trình độ đại học

- Người đã tốt nghiệp trình độ trung cấp có ngành, chuyên ngành được đào tạo phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển. Người đã tốt nghiệp trình độ trung cấp ngành, chuyên ngành đào tạo khác cần phải học bổ sung kiến thức của ngành đăng ký dự tuyển;

- Người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng có ngành, chuyên ngành đã được đào tạo phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển. Người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng ngành, chuyên ngành đào tạo khác cần phải học bổ sung kiến thức của ngành đăng ký dự tuyển.

2.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

2.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

- Liên thông hệ vừa làm vừa học giữa trình độ cao đẳng với trình độ đại học: Xét tuyển hồ sơ và kết quả học tập đã tích lũy toàn khóa học đối với người đã tốt nghiệp cao đẳng có nguyện vọng dự tuyển đào tạo đại học.

- Liên thông hệ vừa làm vừa học giữa trình độ trung cấp với trình độ đại học: Xét tuyển hồ sơ và kết quả học tập đã tích lũy toàn khóa học đối với người đã tốt nghiệp trung cấp có nguyện vọng dự tuyển đào tạo đại học.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành, phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu *(dự kiến)*	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo

Tuyensinh247.com

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu *(dự kiến)*	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
1	Liên thông Cao đẳng - Đại học	7320201	Thông tin-Thư viện	500	Sử dụng phương thức khác	40	2821	31/5/2007	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2007
2	Liên thông Trung cấp - Đại học	7320201	Thông tin-Thư viện	500	Sử dụng phương thức khác	40	5396	21/8/2008	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2008
3	Liên thông Cao đẳng - Đại học	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	500	Sử dụng phương thức khác	50			Trường Đại học Văn hóa TP.HCM	2023
4	Liên thông Trung cấp - Đại học	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	500	Sử dụng phương thức khác	50			Trường Đại học Văn hóa TP.HCM	2023
5	Liên thông Cao đẳng - Đại học	7229042	Quản lý văn hóa	500	Phương thức khác	40	2821	31/5/2007	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2007
6	Liên thông Trung	7229042	Quản lý văn hoá	500	Sử dụng phương thức khác	30	5396	21/8/2008	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2008

Tuyensinh247.com

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu *(dự kiến)*	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
	cấp - Đại học									
7	Đại học Văn bằng 2	7229042	Quản lý văn hóa	500	Sử dụng phương thức khác	30	1528	14/4/2017	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2020

2.5. Ngưỡng đầu vào

2.5.1. Tuyển sinh đào tạo cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai

Kết quả học tập tích lũy toàn khóa học đại học phải lớn hơn hoặc bằng 5,0 điểm (thang điểm 10), hoặc phải lớn hơn hoặc bằng 2,0 điểm (thang điểm 4).

2.5.2. Tuyển sinh đào tạo liên thông trình độ đại học

- Liên thông giữa trình độ cao đẳng với trình độ đại học: Kết quả học tập tích lũy toàn khóa học cao đẳng phải lớn hơn hoặc bằng 5,0 điểm (thang điểm 10), hoặc phải lớn hơn hoặc bằng 2,0 điểm (thang điểm 4).

- Liên thông giữa trình độ trung cấp với trình độ đại học: Kết quả học tập tích lũy toàn khóa học trung cấp phải lớn hơn hoặc bằng 5,0 điểm (thang điểm 10), hoặc phải lớn hơn hoặc bằng 2,0 điểm (thang điểm 4).

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của Trường

- Mã trường: VHS

- Mã số ngành và tên ngành

+ Ngành: Thông tin-Thư viện (Mã ngành: 7320201)

+ Ngành: Quản lý văn hóa (Mã ngành: 7229042)

- Nếu số lượng hồ sơ đăng ký xét tuyển nhiều hơn số lượng chỉ tiêu tuyển sinh thì Trường sẽ ưu tiên xét tuyển thí sinh có bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành phù hợp, ngành gần, ngành cùng lĩnh vực được đào tạo.

- Điểm xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có): Điểm xét tuyển đợt bổ sung bằng điểm

Tuyensinh247.com

xét tuyển đợt 1.

- Trường tiến hành tổ chức đào tạo nếu đủ sĩ số tối thiểu mỗi lớp 30 học viên.

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển; các điều kiện xét tuyển đối với từng ngành đào tạo

- Tổ chức tuyển sinh nhiều đợt trong năm;
- Tổ chức tuyển sinh và đào tạo tại Trường;
- Liên kết với các cơ sở đào tạo khác để tuyển sinh và đào tạo tại địa phương có nhu cầu.
- Thí sinh đăng nhập và tải mẫu hồ sơ tại địa chỉ: http://hcmuc.edu.vn/tuyen-sinh/ hoặc nhận hồ sơ trực tiếp tại Trường

2.8. Chính sách ưu tiên

2.9. Lệ phí xét tuyển

- Lệ phí hồ sơ: 60.000 đồng/hồ sơ đăng ký xét tuyển
- Lệ phí xét tuyển: 200.000 đồng

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa từng năm học

Năm học	Mức học phí (dự kiến)	Ghi chú
2023-2024	20.000.000 đồng/Sinh viên	- Trường thu học phí theo tín chỉ; - Thực hiện thu học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.
2024-2025	24.000.000 đồng/Sinh viên	
2025-2026	28.000.000 đồng/Sinh viên	

2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

STT	Các đợt tuyển sinh (dự kiến)	Nội dung
1	Đợt 1: Từ ngày 25/5/2023 đến ngày 19/8/2023	Tổ chức xét tuyển; thông báo thí sinh trúng tuyển và triệu tập nhập học; thí sinh xác nhận nhập học; khai giảng và học tập
2	Đợt 2: Từ ngày 21/8/2023 đến ngày 23/12/2023	Tổ chức xét tuyển; thông báo thí sinh trúng tuyển và triệu tập nhập học; thí sinh xác nhận nhập học; khai giảng và học tập

2.12. Các nội dung khác

Trường công bố danh sách trúng tuyển trên trang thông tin điện tử https://www.hcmuc.edu.vn/, chuyên mục "Tuyển sinh"; Trường thông báo kết quả trúng

Tuyensinh247.com

tuyển và gửi giấy báo trúng tuyển qua đường bưu điện theo địa chỉ liên lạc mà thí sinh ghi trong hồ sơ đăng ký xét tuyển./.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023

Người kê khai

Nguyễn Thanh Tùng
(Điện thoại: 0918646484,
Email: tungnguyen@hcmuc.edu.vn)

HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thế Dũng

Tuyensinh247.com

CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2022 (Người học)

STT	Trình độ/lĩnh vực/ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ ngành	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC		134
1	Tiến sĩ		8
1.1	Nhân văn		0
1.1.1	Quản lý văn hóa	9229042	8
2	Thạc sĩ		126
2.1	Nhân văn		3
2.1.1	Văn hóa học	8229040	3
2.2	Khoa học xã hội và hành vi		118
2.2.1	Quản lý văn hóa	8229042	118
2.3	Báo chí và thông tin		5
2.3.1	Khoa học Thư viện	8320203	5
B	ĐẠI HỌC		3.113
3	Đại học chính quy		3.113
3.1	Chính quy		3.113
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học		
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		3.113
3.1.2.1	Nhân văn		1.647
3.1.2.1.1	Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam	7220112	29
3.1.2.1.2	Văn hóa học	7229040	937
3.1.2.1.3	Quản lý văn hóa	7229042	681
3.1.2.2	Báo chí và thông tin		276
3.1.2.2.1	Thông tin-Thư viện	7320201	112
3.1.2.2.2	Bảo tàng học	7320305	33
3.1.2.2.3	Kinh doanh xuất bản phẩm	7320402	131
3.1.2.3	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân		1.190

Tuyensinh247.com

STT	Trình độ/lĩnh vực/ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ ngành	Quy mô đào tạo
3.1.2.3.1	Du lịch	7810101	256
3.1.2.3.2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	934
3.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học		
3.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học		0
3.3.1	Nhân văn		0
3.3.1.1	Quản lý văn hoá	7229042	0
3.3.2	Báo chí và thông tin		0
3.3.2.1	Thông tin-Thư viện	7320201	0
3.3.2.2	Bảo tàng học	7320305	0
3.3.2.3	Kinh doanh xuất bản phẩm	7320402	0
3.4	Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		
4	Đại học vừa làm vừa học		0
4.1	Vừa làm vừa học		0
4.1.1	Nhân văn		0
4.1.1.1	Quản lý văn hoá	7229042	0
4.1.2	Báo chí và thông tin		0
4.1.2.1	Thông tin-Thư viện	7320201	0
4.1.2.2	Bảo tàng học	7320305	0
4.1.2.3	Kinh doanh xuất bản phẩm	7320402	0
4.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học		0
4.2.1	Nhân văn		0
4.2.1.1	Quản lý văn hoá	7229042	0
4.2.2	Báo chí và thông tin		0
4.2.2.1	Thông tin - Thư viện	7320201	0
4.2.2.2	Bảo tàng học	7320305	0
4.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học		0
4.3.1	Nhân văn		0
4.3.1.1	Quản lý văn hoá	7229042	0
4.3.2	Báo chí và thông tin		0

Tuyensinh247.com

STT	Trình độ/lĩnh vực/ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ ngành	Quy mô đào tạo
4.3.2.1	Thông tin-Thư viện	7320201	0
4.3.2.2	Bảo tàng học	7320305	0
4.3.2.3	Kinh doanh xuất bản phẩm	7320402	0
4.4	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		0
4.4.1	Nhân văn		0
4.4.1.1	Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam	7220112	0
4.4.1.2	Quản lý văn hoá	7229042	0
4.4.2	Báo chí và thông tin		0
4.4.2.1	Thông tin-Thư viện	7320201	0
4.4.2.2	Bảo tàng học	7320305	0
4.4.2.3	Kinh doanh xuất bản phẩm	7320402	0
5	Từ xa		0

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường (ha): 34.702
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): 2.500 chỗ
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của Trường tính trên một sinh viên chính quy: 5,13 m²/người

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	87	6.908
2	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	3	1.614
3	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	6	637
4	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	63	3.995
5	Số phòng học dưới 50 chỗ	9	337
6	Số phòng học đa phương tiện	4	275
7	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên	2	50

Tuyensinh247.com

8	Thư viện, trung tâm học liệu	2	2.038
9	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	4	350

2.2 Các thông tin khác

- Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập

STT	Danh mục	Các trang thiết bị chính
1	Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng văn hóa Nam Bộ	Phòng làm việc, các trang thiết bị, vật dụng, tài liệu phục vụ nghiên cứu
2	Hội trường biểu diễn nghệ thuật	Hệ thống âm thanh, ánh sáng, máy lạnh, màn hình Led full
3	Khu Nhà học thực hành Văn hóa Nghệ thuật	Các phòng học thực hành nhạc cụ Piano, phòng tập múa, dẫn chương trình, biểu diễn nghệ thuật được trang bị đầy đủ hệ thống âm thanh, ánh sáng, máy lạnh, đàn,…
4	Phòng thực hành Truyền thông	Hệ thống âm thanh, ánh sáng, máy lạnh, các trang thiết bị thu âm, ghi hình
5	Phòng thực hành Bảo tàng	Tủ hút ẩm, máy hút chân không, kính hiển vi, các dụng cụ bảo quản, các hiện vật bảo tàng
6	Phòng thực hành Thư viện	Sách, máy tính, phòng đọc
7	Phòng thực hành máy tính	Máy tính, máy lạnh, âm thanh, tivi
8	Phòng hội thảo	Micro, máy lạnh, âm thanh, màn chiếu

- Thống kê về học liệu trong thư viện

Tổng số bản sách, tài liệu	63,788 bản
Trong đó: *Phân theo tính chất* - Sách, tài liệu tiếng nước ngoài: - Giáo trình - Sách tham khảo - Băng đĩa, CD-Rom - Luận văn, luận án, báo cáo khoa học,…	 7,783 bản 7,149 bản 44,179 bản 1,034 bản 3,643 bản
Phân theo chuyên ngành đào tạo - Nhóm ngành I - Nhóm ngành II - Nhóm ngành III - Nhóm ngành IV - Nhóm ngành V - Nhóm ngành VI	 5,716 bản 4,664 bản 9,408 bản 3,653 bản 3,767 bản 91 bản

TuyensInh247.com

- Nhóm ngành VII - Các môn chung	10,512 bản 25,977 bản

3. Danh sách giảng viên

3.1 Danh sách giảng viên toàn thời gian

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Khoa/ngành đào tạo
1	Nguyễn Thu Hà		Thạc sĩ	Bảo tàng học, Di sản văn hóa	Bảo tàng học
2	Nguyễn Đình Thịnh		Thạc sĩ	Công nghệ hóa học và Thực phẩm	Bảo tàng học
3	Phan Thị Diệu Hằng		Thạc sĩ	Thông tin-Thư viện	Bảo tàng học
4	Phạm Thị Quỳnh Hoa		Thạc sĩ	Khoa học Thư viện	Bảo tàng học
5	Lâm Nhân	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Văn hóa học	Du lịch
6	Lê Thị Thanh Thủy		Tiến sĩ	Di sản văn hóa và Khai thác du lịch	Du lịch
7	Hà Thị Vân Khanh		Thạc sĩ	Triết học	Du lịch
8	Chu Khánh Linh		Thạc sĩ	Du lịch học	Du lịch
9	Nguyễn Thị Thúy Ngân		Thạc sĩ	Du lịch học	Du lịch
10	Vũ Thị Nhung		Thạc sĩ	Giáo dục, Sư phạm Anh	Du lịch
11	Lê Thị Minh Thư		Thạc sĩ	Xã hội học	Du lịch
12	Lê Anh Tuấn		Thạc sĩ	Lịch sử Việt Nam	Du lịch
13	Thái Thu Hoài		Thạc sĩ	Kinh doanh Xuất bản phẩm, Văn hóa học	Kinh doanh xuất bảnphẩm
14	Trần Thanh Huyền		Thạc sĩ	Chính trị học, ngành Xây dựng Đảng	Kinh doanh xuất bảnphẩm
15	Hoàng Thị Ngân		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh xuất bản phẩm

Tuyensinh247.com

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Khoa/ngành đào tạo
16	Trần Thị Quyên		Thạc sĩ	Kinh doanh xuất bản phẩm, Tài chính-Ngân hàng	Kinh doanh xuất bảnphẩm
17	Nguyễn Ngọc Thanh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh xuất bản phẩm
18	Nguyễn Chí Bền	Giáo sư	Tiến sĩ	Văn hóa học	Quản lý văn hoá
19	Huỳnh Văn Tới	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Văn hóa học	Quản lý văn hoá
20	Trịnh Đăng Khoa		Tiến sĩ	Quản lý văn hóa, Văn hóa học	Quản lý văn hoá
21	Phạm Văn Luân		Tiến sĩ	Quản lý văn hóa	Quản lý văn hoá
22	Nguyễn Hồ Phong		Tiến sĩ	Quản lý văn hóa	Quản lý văn hoá
23	Phạm Phương Thùy		Tiến sĩ	Quản lý văn hóa	Quản lý văn hoá
24	Vũ Thị Phương		Tiến sĩ	Quản lý văn hóa, Nhân học	Quản lý văn hoá
25	Huỳnh Công Duẩn		Tiến sĩ	Quản lý văn hóa	Quản lý văn hoá
26	Lê Thị Vương Nguyệt		Thạc sĩ	Biểu diễn âm nhạc	Quản lý văn hoá
27	Nguyễn Thị Phà Ca		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Quản lý văn hoá
28	Lê Xuân Khánh		Thạc sĩ	Quản lý văn hóa	Quản lý văn hoá
29	Nguyễn Thị Ngọc Ánh		Thạc sĩ	Quản lý văn hóa	Quản lý văn hoá
30	Trần Anh Phương		Thạc sĩ	Sáng tác	Quản lý văn hoá
31	Hoàng Thị Nhung		Thạc sĩ	Văn hóa học	Quản lý văn hoá
32	Vũ Thị Bích Duyên		Thạc sĩ	Văn hóa học	Quản lý văn hoá
33	Nguyễn Thế Dũng	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Giáo dục học	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
34	Huỳnh Mẫn Đạt		Tiến sĩ	Giáo dục học, Thư viện học	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

Tuyensinh247.com

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Khoa/ngành đào tạo
35	Nguyễn Thái Hòa		Tiến sĩ	Dân tộc học	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
36	Phạm Lan Hương		Tiến sĩ	Văn hóa dân gian	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
37	Đỗ Thanh Hương		Tiến sĩ	Luật học	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
38	Bùi Thị Hồng Loan		Tiến sĩ	Bảo tàng học, Di sản văn hóa	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
39	Từ Mạnh Lương		Tiến sĩ	Kinh tế	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
40	Nguyễn Thị Thu Thủy		Tiến sĩ	Văn hóa học	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
41	Lê Bá Vương		Tiến sĩ	Lịch sử Việt Nam	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
42	Lê Thế Bắc		Thạc sĩ	Lịch sử thế giới	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
43	Nguyễn Thanh Chương		Thạc sĩ	Khoa học Thư viện, Luật học	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
44	Nguyễn Thị Hà		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
45	Nguyễn Quốc Hùng		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
46	Lưu Thu Huyền		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
47	Nguyễn Thị Huyền		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
48	Phan Đình Dũng		Thạc sĩ	Lịch sử Việt Nam	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
49	Nguyễn Mai Khánh Linh		Thạc sĩ	Quản lý Hành chính công	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

Tuyensinh247.com

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Khoa/ngành đào tạo
50	Nguyễn Hoàng Minh		Thạc sĩ	Chính trị học	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
51	Vũ Văn Nam		Thạc sĩ	Kinh tế Chính trị	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
52	Nguyễn Thị Việt Nga		Thạc sĩ	Phương pháp và lý luận giảng dạy tiếng Anh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
53	Nguyễn Thị Minh Ngọc		Thạc sĩ	Văn hóa học	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
54	Trần Hữu Nghĩa		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
55	Đặng Khánh Như		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
56	Nguyễn Nhật Quyết		Thạc sĩ	Quản lý Hành chính công	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
57	Nguyễn Thị Hồng Sinh		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
58	Nguyễn Thị XuyênThoại		Thạc sĩ	Việt Nam học	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
59	Nguyễn Thị Thúy		Thạc sĩ	Quản lý hành chính công	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
60	Lương Như Ý		Thạc sĩ	Triết học	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
61	Cao Thanh Phước		Tiến sĩ	Khoa học Thư viện	Thông tin-Thư viện
62	Lê Thị Định		Thạc sĩ	Thông tin Thư viện	Thông tin-Thư viện
63	Nguyễn Hải Gian		Thạc sĩ	Khoa học Thư viện	Thông tin-Thư viện
64	Quản Thị Hoa		Thạc sĩ	Thông tin-Thư viện	Thông tin-Thư viện

Tuyensinh247.com

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Khoa/ngành đào tạo
65	Nguyễn Mạnh Kiêm		Thạc sĩ	Khoa học Thư viện	Thông tin-Thư viện
66	Lê Thị Xuân Thùy		Thạc sĩ	Khoa học Thư viện	Thông tin-Thư viện
67	Trần Thị Trà Vi		Thạc sĩ	Khoa học Thư viện	Thông tin-Thư viện
68	Lê Tôn		Thạc sĩ	Thông tin-Thư viện	Thông tin-Thư viện
69	Nguyễn Thanh Tùng		Thạc sĩ	Khoa học Thư viện	Thông tin-Thư viện
70	Chu Phạm Minh Hằng		Thạc sĩ	Dân tộc học	Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam
71	Nguyễn Thị Thạch Ngọc		Thạc sĩ	Quản lý văn hóa	Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam
72	Hứa Sa Ni		Thạc sĩ	Văn hóa học	Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam
73	Trần Hoài Anh	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Ngữ văn	Văn hóa học
74	Nguyễn Đệ		Tiến sĩ	Dân tộc học	Văn hóa học
75	Đào Đồng Điện		Tiến sĩ	Văn học so sánh và văn học thế giới	Văn hóa học
76	Nguyễn Ái Học		Tiến sĩ	Lý luận văn học	Văn hóa học
77	Nguyễn Thị Nguyệt		Tiến sĩ	Văn hóa dân gian	Văn hóa học
78	Đặng Thị Kiều Oanh		Tiến sĩ	Văn hóa học	Văn hóa học
79	Nguyễn Đức Tuấn		Tiến sĩ	Dân tộc học	Văn hóa học
80	Cao Nguyễn Ngọc Anh		Thạc sĩ	Nhân học	Văn hóa học

Tuyensinh247.com

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Khoa/ngành đào tạo
81	Nguyễn Thị Hồng Chi		Thạc sĩ	Sản xuất phim và Truyền thông	Văn hóa học
82	Nguyễn Thanh Hải		Thạc sĩ	Nhân học	Văn hóa học
83	Thiều Thị Liên		Thạc sĩ	Xã hội học	Văn hóa học
84	Vũ Chi Mai		Thạc sĩ	Luật học	Văn hóa học
85	Vũ Thị Kim Ngân		Thạc sĩ	Văn hóa học	Văn hóa học
86	Nguyễn Thị Nhuận		Thạc sĩ	Mỹ thuật	Văn hóa học
87	Trần Lâm Kim Phượng		Thạc sĩ	Báo chí học	Văn hóa học
88	Lê Thị Hồng Quyên		Thạc sĩ	Ngữ văn	Văn hóa học
89	Lê Thị Thanh Tâm		Thạc sĩ	Văn hóa học	Văn hóa học

3.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1	Nguyễn Thị Mai			Thạc sĩ	Du lịch học		Du lịch
2	Trần Hữu Nhựt			Thạc sĩ	Quản lý khoa học		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
3	Tạ Thị Thanh Tâm		Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Ngôn ngữ học		Văn hóa học
4	Nguyễn Văn Hợp			Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ dulịch và lữ lịch		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

Tuyensinh247.com

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
5	Nguyễn Ngọc Châu Báu			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
6	Tạ Thị Lan Khanh	Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh		Thạc sĩ	Văn hóa học		Văn hóa học
7	Nguyễn Thu Hà			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
8	Trương Thị Thu Hằng	Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn TP.Hồ Chí Minh		Tiến sĩ	Nhân học		Văn hóa học
9	Vĩnh Quốc Bảo	Thư viện Khoa học tổng hợp TP. Hồ Chí Minh		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Thông tin-Thư viện
10	Phạm Sang			Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ dulịch và lữ hành		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
11	Lữ Cẩm Thảo	Công ty SaiGon Tourist		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

Tuyensinh247.com

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
					hành		
12	Hoàng Anh Thiên			Thạc sĩ	Thanh nhạc		Quản lý văn hóa
13	Bùi Vũ Lương			Thạc sĩ	Kinh tế phát triển		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
14	Trần Thị Bích Ngọc			Thạc sĩ	Việt Nam học		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
15	Phạm Thị Huệ			Thạc sĩ	Báo chí truyền thông		Văn hoá học
16	Nguyễn Tiến Huy			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
17	Lư Nguyễn Xuân Vũ			Tiến sĩ	Nhân học		Quản lý văn hóa
18	Nguyễn Tiến Mạnh	Trường Đại học Tài chính-Marketing TP.HCM		Tiến sĩ	Văn hóa học		Văn hóa học
19	Bùi Ngọc Lâm			Thạc sĩ	Sáng tác Âm Nhạc		Quản lý văn hóa
20	Trương Thị Mai Hạnh	Trường Đại học Văn Lang		Thạc sĩ	Giảng dạy tiếng Anh		Du lịch
21	Nguyễn Thị Kim Thoa			Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

Tuyensinh247.com

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
22	Nguyễn Công Hoan	Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP. Hồ Chí Minh	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Xuất bản, du lịch		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
23	Bùi Hoài Sơn	Ủy ban VHGDTTNNĐ Quốc Hội	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Quản lý văn hóa		Quản lý văn hóa
24	Đoàn Thị Lộc			Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
25	Trương Đức Cường	Trường Cao đẳng Trang trí Mỹ thuật Đồng Nai		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
26	Đặng Hoàng Lan	Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn TP.HCM		Tiến sĩ	Nhân học		Văn hóa học
27	Nguyễn Hồng Anh			Tiến sĩ	Quản lý công		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
28	Huỳnh Công Khôi Nguyên	Nhà Văn hóa Điện ảnh TP.HCM		Thạc sĩ	Quản lý văn hóa		Quản lý văn hóa

Tuyensinh247.com

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
29	Trần Thị Thúy Vân			Tiến sĩ	Văn hóa học		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
30	Bùi Hải Đăng			Tiến sĩ	Văn hóa học		Văn hóa học
31	Nguyễn Văn Dự	Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam		Thạc sĩ	Văn hóa học		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
32	Lê Hồng Khanh			Thạc sĩ	Văn hóa học		Quản lý văn hóa
33	Nguyễn Nguyên Phong	Trường Đại học Kinh tế TP.HCM		Thạc sĩ	Du lịch		Du lịch
34	Nguyễn Đào Dũng			Thạc sĩ	Khách sạn- Du lịch		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
35	Nguyễn Thị Huỳnh Giao			Thạc sĩ	Quản lý văn hóa		Quản lý văn hóa
36	Đặng Mạnh Trung			Tiến sĩ	Lịch sử học		Du lịch
37	Đỗ Quốc Giang			Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ dulịch và lữ hành		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
38	Nguyễn Thị Kim Liên	Học viện Chính trị Khu vực II		Tiến sĩ	Văn hóa học		Văn hóa học

Tuyensinh247.com

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
39	Huỳnh Công Hiếu			Thạc sĩ	Văn hóa học		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
40	Nguyễn Hoài Nam			Tiến sĩ	Luật		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
41	Đặng Minh Phương			Thạc sĩ	Nghệ thuật		Quản lý văn hóa
42	Cao Trọng Hợp			Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
43	Nguyễn Phúc Hùng	Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP. Hồ Chí Minh		Tiến sĩ	Khoa học Quản trị kinh doanh		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

Ngày 20 tháng 3 năm 2023

Người kê khai

Nguyễn Thanh Tùng
(Điện thoại: 0918646484,
Email: tungnguyen@hcmuc.edu.vn)

HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thế Dũng

TuyenSinh247.com

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA TP. HCM
Mã trường: VHS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2023

(Xét tuyển theo kết quả học tập 06 học kỳ, bậc THPT)

Đợt xét tuyển: .....

1. Số phiếu: *(Thí sinh không ghi mục này)* ☐☐☐☐
2. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh: *(Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)*
.....Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ
3. Ngày tháng năm sinh: ☐☐☐☐☐☐☐☐ 4. Nơi sinh: .....
5. Dân tộc.....6. Thuộc đối tượng ưu tiên: *01,02,03,04,05,06,07* ..... ☐☐
7. Hộ khẩu thường trú: ..... ☐☐ ☐☐ *(Mã tỉnh Mã huyện)*
8. Nơi học THPT hoặc tương đương (*Ghi tên trường, địa chỉ nơi trường đóng: xã (phường), huyện (quận),tỉnh (thành phố)*)
Năm lớp 10: ..... ☐☐☐
Năm lớp 11: ..... ☐☐☐
Năm lớp 12: ..... ☐☐☐ *(Mã trường)*
9. Thuộc khu vực ưu tiên nào thì khoanh tròn vào ký hiệu khu vực đó: KV1, KV2-NT, KV2, KV3
10. Năm tốt nghiệp THPT: *(Ghi đủ 4 chữ số của năm tốt nghiệp vào ô)* ..... ☐☐☐☐
11. Chứng minh nhân dân/căn cước công dân số: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐
Cấp ngày...../...../..... tại:..... (Ghi mỗi ô 1 số từ trái qua)
12. Tên ngành/chuyên ngành đăng ký xét tuyển: .....
13. Mã ngành/chuyên ngành: ☐☐☐☐☐☐☐☐ *(Ghi mỗi ô 1 số từ trái qua)*. Nguyện vọng:.....
14. Mã tổ hợp xét tuyển: ☐☐☐ 15. Môn đăng ký xét tuyển: .....

Các môn xét tuyển	Tên môn	Điểm Học kỳ I, Lớp 10	Điểm Học kỳ II, Lớp 10	Điểm Học kỳ I, Lớp 11	Điểm Học kỳ II, Lớp 11	Điểm Học kỳ I, Lớp 12	Điểm Học kỳ II, Lớp 12
Môn 1							
Môn 2							
Môn 3							

16. Khi cần báo tin cho ai *(bắt buộc)*: .....
Địa chỉ gửi thư:.....
Điện thoại liên lạc: ..... Email: .....

Tôi cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu xử lý theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
....., ngày.....tháng.....năm 2023
Chữ ký của thí sinh
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ảnh 4 x 6cm
(Đóng dấu giáp lai)

XÁC NHẬN NGƯỜI KHAI PHIẾU NÀY
Đang học lớp: ..... Trường .....
Hoặc đang cư trú ở xã, phường:.....
.....
(Hiệu trưởng các trường nơi học sinh học hoặc công an xã, phường nơi cư trú tại địa phương ký tên và đóng dấu giáp lai trên ảnh)
....., ngày.....tháng.....năm 2023
(Ký tên và đóng dấu)

tuyensinh247.com

Mẫu số 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2023

(Dành cho thí sinh đăng ký thi năng khiếu nghệ thuật)

Kính gửi: Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh

Tôi tên là: ..... Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ

Ngày tháng năm sinh: ☐☐ ☐☐ ☐☐☐☐ Nơi sinh: .....

CMND/CCCD: .....

Khu vực ưu tiên: ..... Đối tượng ưu tiên: .....

Địa chỉ liên lạc: .....

Điện thoại liên lạc: ..... Email: .....

Nay tôi đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh như sau:

Tên ngành đăng ký: QUẢN LÝ VĂN HÓA

Tên chuyên ngành đăng ký: **Tổ chức, dàn dựng chương trình văn hóa nghệ thuật**

Mã ngành/chuyên ngành: 7229042C Mã tổ hợp xét tuyển: ☐☐☐

Môn đăng ký xét tuyển: .....

Các môn xét tuyển	Tên môn	Điểm Học kỳ I, Lớp 10	Điểm Học kỳ II, Lớp 10	Điểm Học kỳ I, Lớp 11	Điểm Học kỳ II, Lớp 11	Điểm Học kỳ I, Lớp 12	Điểm Học kỳ II, Lớp 12	Điểm trung bình chung từng môn (06 học kỳ)
Môn 1								
Môn 2								
Môn 3								
Tổng điểm								

Chọn môn năng khiếu đăng ký thi tuyển:

☐ Năng khiếu Biểu diễn nghệ thuật ☐ Năng lực hiểu biết nghệ thuật

Phí đăng ký thi tuyển môn năng khiếu nghệ thuật: 200.000 đồng/nguyện vọng

Ghi chú: **R01** (Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu nghệ thuật), **R02** (Ngữ văn, Toán, Năng khiếu nghệ thuật), **R03** (Ngữ văn, tiếng Anh, Năng khiếu nghệ thuật), **R04** (Ngữ văn; Năng khiếu nghệ thuật 1, Năng khiếu nghệ thuật 2)

Tôi cam kết thực hiện nghiêm túc các quy định của Hội đồng tuyển sinh và cam đoan những thông tin nêu trên là đúng sự thật. Nếu sai, tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu xử lý theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ngày ..... tháng ..... năm 2023
NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày ..... tháng ..... năm 2023
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Thí sinh ký, ghi rõ họ và tên)

tuyensinh247.com